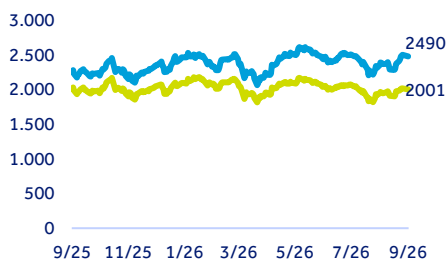


Phòng Phân tích & Chiến lược thị trường

acbs_phantich@acbs.com.vn



— Vietnam Local Index
— STOXX Vietnam Liquid

TỔNG QUAN

Tổ chức MarketVector và STOXX sẽ chính thức công bố kết quả rà soát định kỳ đối với bộ chỉ số Vietnam Local Index và STOXX Vietnam Total Market Liquid vào ngày 11/09/2026, với hiệu lực từ ngày 21/09/2026. Đây là hai bộ chỉ số hiện đang được mô phỏng bởi quỹ VanEck Vietnam ETF (AUM: 520 triệu USD) và quỹ Xtrackers Vietnam Swap (AUM: 382 triệu USD). Trong kỳ rà soát lần này, cả hai chỉ số đều có những điều chỉnh đối với danh mục thành phần. Một số nội dung đáng chú ý được trình bày dưới đây:

Trong kỳ công bố Q3.2026, chỉ số **Vietnam Local Index** dự kiến sẽ **thêm mới SSB** vào rổ thành phần do đạt các tiêu chí chọn lọc và **loại FTS, CEO** do vốn hóa đầu tư khả dụng không đủ để nằm trong nhóm cổ phiếu chiếm 98% tổng vốn hóa tự do lưu hành đủ điều kiện; chỉ số **STOXX Vietnam Total Market Liquid** dự kiến không thêm mới, và **loại NKG** do không đạt tiêu chí về giá trị giao dịch trung bình hằng ngày tương đối trong 6 tháng.

Về việc cơ cấu danh mục của 2 quỹ ETF liên quan VanEck Vietnam ETF và Xtrackers Vietnam Swap, các cổ phiếu **SSB, NVL, HPG** dự kiến sẽ được mua ròng mạnh về khối lượng; các cổ phiếu **VHM, STB** và **SSB** dự kiến được mua ròng mạnh về mặt giá trị. Ở chiều ngược lại, **VIC, VCK, và VRE** dự kiến bị bán ròng mạnh trong kỳ cơ cấu Q3/2026.

DỰ ĐOÁN CÁC BỘ CHỈ SỐ KỲ CƠ CẤU QUÝ 3/2026

1. Chỉ số Vietnam Local Index

Bảng 1: Tỷ trọng dự phóng chỉ số Vietnam Local Index

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	SLCP lưu hành (triệu CP)	Tỷ lệ NĐT nước ngoài có thể sở hữu	Vốn hóa điều chỉnh free-float (tỷ đồng)	Tỷ trọng	+/- sv hiện tại
1	VIC	VinGroup	Bất động sản	7.762	45%	549.563	8,0%	-1,8%
2	VHM	Vinhomes	Bất động sản	8.215	43%	179.905	8,0%	-0,1%
3	MSN	Tập đoàn Masan	Thực phẩm và đồ uống	1.460	76%	61.511	6,5%	0,6%
4	VNM	VINAMILK	Thực phẩm và đồ uống	2.090	50%	52.082	5,5%	0,1%
5	HPG	Hòa Phát	Tài nguyên Cơ bản	8.443	27%	50.902	5,3%	0,7%
6	VCB	Vietcombank	Ngân hàng	8.356	10%	50.017	5,3%	0,3%
7	SSI	Chứng khoán SSI	Dịch vụ tài chính	3.001	70%	44.720	4,7%	0,4%
8	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	Thực phẩm và đồ uống	1.307	84%	37.392	3,9%	-1,8%
9	VIX	Chứng khoán VIX	Dịch vụ tài chính	2.573	93%	33.574	3,5%	0,2%
10	STB	Sacombank	Ngân hàng	1.885	19%	27.285	2,9%	0,3%
11	FPT	FPT Corp	Công nghệ Thông tin	1.714	21%	26.717	2,8%	0,2%
12	VJC	Vietjet Air	Du lịch và Giải trí	769	24%	23.025	2,4%	0,1%
13	VRE	Vincom Retail	Bất động sản	2.272	38%	22.466	2,4%	0,2%
14	VPL	Vinpearl	Du lịch và Giải trí	1.793	43%	20.874	2,2%	0,3%
15	VCI	Chứng khoán Vietcap	Dịch vụ tài chính	1.152	83%	19.746	2,1%	0,0%
16	VND	Chứng khoán VNDIRECT	Dịch vụ tài chính	1.522	91%	19.010	2,0%	0,1%
17	VCK	Chứng Khoán VPS	Dịch vụ tài chính	2.435	96%	18.536	1,9%	-1,9%
18	SSB (Thêm mới)	SeABank	Ngân hàng	3.469	30%	17.635	1,9%	1,9%
19	SHB	SHB	Ngân hàng	5.344	26%	17.061	1,8%	0,3%

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	SLCP lưu hành (triệu CP)	Tỷ lệ NĐT nước ngoài có thể sở hữu	Vốn hóa điều chỉnh free-float (tỷ đồng)	Tỷ trọng	+/- sv hiện tại
20	TCX	Chứng khoán TCBS	Dịch vụ tài chính	2.774	91%	16.980	1,8%	-0,5%
21	GEX	Tập đoàn Gelex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.308	44%	15.103	1,6%	0,1%
22	NVL	Novaland	Bất động sản	2.402	45%	14.072	1,5%	0,1%
23	SBT	Mía đường Thành Công - Biên Hòa	Thực phẩm và đồ uống	906	80%	12.427	1,3%	0,4%
24	MSB	MSB Bank	Ngân hàng	3.744	23%	11.341	1,2%	0,1%
25	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	Bất động sản	942	42%	10.845	1,1%	0,1%
26	VPX	Chứng khoán VPBank	Dịch vụ tài chính	1.875	96%	9.844	1,0%	0,1%
27	EIB	Eximbank	Ngân hàng	1.863	29%	9.294	1,0%	0,1%
28	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	Thực phẩm và đồ uống	1.267	47%	8.496	0,9%	0,1%
29	VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	Bất động sản	320	39%	8.461	0,9%	0,0%
30	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.068	46%	8.038	0,8%	0,0%
31	DGC	Hóa chất Đức Giang	Hóa chất	380	45%	7.372	0,8%	0,1%
32	PVD	Khoan Dầu khí PVD drilling	Dầu khí	928	41%	7.348	0,8%	0,1%
33	NAB	Ngân hàng Nam Á	Ngân hàng	2.159	29%	7.238	0,8%	0,1%
34	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	Dầu khí	511	33%	6.708	0,7%	0,0%
35	HUT	Tasco- CTCP	Ô tô và phụ tùng	1.068	47%	6.602	0,7%	0,0%
36	SAB	SABECO	Thực phẩm và đồ uống	1.283	41%	6.433	0,7%	0,1%
37	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Hóa chất	680	47%	5.983	0,6%	0,1%
38	GEE	Thiết bị điện GELEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	640	49%	5.811	0,6%	-0,4%
39	HAV	Vietnam Airlines	Du lịch và Giải trí	3.111	21%	5.713	0,6%	0,0%
40	SHS	Chứng khoán SG - HN	Dịch vụ tài chính	899	40%	5.690	0,6%	0,0%
41	BAF	Nông nghiệp BAF Việt Nam	Thực phẩm và đồ uống	365	46%	5.515	0,6%	0,0%
42	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	Bất động sản	242	47%	5.388	0,6%	0,0%
43	PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	998	43%	5.315	0,6%	0,0%
44	KDC	Tập đoàn KIDO	Thực phẩm và đồ uống	276	37%	5.272	0,6%	0,0%
45	VCG	VINACONEX	Xây dựng và Vật liệu	698	47%	5.251	0,6%	0,0%
46	KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	1.122	26%	5.239	0,5%	0,0%
47	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	Bất động sản	912	41%	4.993	0,5%	0,1%
48	DXG	Địa ốc Đất Xanh	Bất động sản	1.268	32%	4.909	0,5%	0,1%
49	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Bảo hiểm	742	22%	4.751	0,5%	-0,1%
50	IDC	IDICO	Bất động sản	417	34%	4.597	0,5%	0,0%
51	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	209	82%	4.365	0,5%	-0,1%
52	DIG	DIC Corp	Bất động sản	796	46%	4.205	0,4%	0,0%
53	DCM	Đạm Cà Mau	Hóa chất	529	44%	4.083	0,4%	0,0%
54	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	Tài nguyên Cơ bản	807	46%	4.028	0,4%	0,0%
55	FTS	Chứng khoán FPT	Dịch vụ tài chính	381	75%	3.468	0,0%	-0,5%
56	CEO	Tập đoàn CEO	Bất động sản	596	44%	3.419	0,0%	-0,4%

Nguồn: ACBS, FiinGroup, MarketVector

Bảng 2: Tỷ trọng danh mục Vietnam Local Index theo ngành

Ngành	Tỷ trọng
Bất động sản	25,5%
Thực phẩm và đồ uống	20,3%
Dịch vụ tài chính	17,6%
Ngân hàng	14,7%
Tài nguyên Cơ bản	5,8%
Du lịch và Giải trí	5,2%
Công nghệ Thông tin	2,8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,2%
Hóa chất	1,8%
Dầu khí	1,5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0,8%
Ô tô và phụ tùng	0,7%
Xây dựng và Vật liệu	0,6%
Bảo hiểm	0,5%

Nguồn: ACBS; FiinGroup

2. Chỉ số STOXX Vietnam Total Market Liquid

Bảng 3: Tỷ trọng dự phóng chỉ số STOXX Vietnam Total Market Liquid

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	SLCP lưu hành (triệu CP)	Tỷ lệ NĐT nước ngoài có thể sở hữu	Vốn hóa điều chỉnh free-float (tỷ đồng)	Tỷ trọng	+/- sv hiện tại
1	VIC	VinGroup	Bất động sản	7.762	45%	549.563	15,0%	-13,1%
2	VHM	Vinhomes	Bất động sản	8.215	43%	179.905	12,2%	3,1%
3	STB	Sacombank	Ngân hàng	1.885	19%	27.285	9,2%	2,1%
4	HPG	Hòa Phát	Kim loại	8.443	27%	50.902	7,6%	0,8%
5	FPT	FPT Corp	Phần mềm & Dịch vụ Máy tính	1.714	21%	26.717	7,3%	1,9%
6	SHB	SHB	Ngân hàng	5.344	26%	17.061	6,7%	0,2%
7	SSI	Chứng khoán SSI	Dịch vụ tài chính	3.001	70%	44.720	6,1%	0,8%
8	VIX	Chứng khoán VIX	Dịch vụ tài chính	2.573	93%	33.574	4,9%	0,7%
9	MSN	Tập đoàn Masan	Sản xuất thực phẩm	1.460	76%	61.511	4,2%	1,2%
10	VNM	VINAMILK	Sản xuất thực phẩm	2.090	50%	52.082	3,5%	1,0%
11	GEX	Tập đoàn Gelex	Điện tử & Thiết bị điện	1.308	44%	15.103	3,3%	0,2%
12	VCI	Chứng khoán Vietcap	Dịch vụ tài chính	1.152	83%	19.746	2,7%	0,3%
13	VND	Chứng khoán VNDIRECT	Dịch vụ tài chính	1.522	91%	19.010	2,6%	0,6%
14	NVL	Novaland	Bất động sản	2.402	45%	14.072	2,3%	1,3%
15	BID	BIDV	Ngân hàng	7.778	13%	17.198	2,3%	0,9%
16	VJC	Vietjet Air	Du lịch & Giải trí	769	24%	23.025	2,3%	-0,6%
17	VRE	Vincom Retail	Bất động sản	2.272	38%	22.466	1,6%	-1,3%
18	KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	Bất động sản	942	42%	10.845	1,1%	0,0%
19	DXG	Địa ốc Đất Xanh	Bất động sản	1.268	32%	4.909	0,8%	-0,4%
20	DGC	Hóa chất Đức Giang	Hóa chất	380	45%	7.372	0,7%	0,0%
21	HAG	Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất thực phẩm	1.267	47%	8.496	0,6%	-0,1%
22	PVD	Khoan Dầu khí PVD Drilling	Thiết bị, Dịch vụ và Phân phối Dầu khí	928	41%	7.348	0,6%	0,2%
23	DIG	DIC Corp	Bất động sản	796	46%	4.205	0,6%	0,1%
24	PDR	BĐS Phát Đạt	Bất động sản	998	43%	5.315	0,5%	0,0%
25	TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	Bất động sản	912	41%	4.993	0,5%	0,1%

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	SLCP lưu hành (triệu CP)	Tỷ lệ NĐT nước ngoài có thể sở hữu	Vốn hóa điều chỉnh free-float (tỷ đồng)	Tỷ trọng	+/- sv hiện tại
26	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Hóa chất	680	47%	5.983	0,4%	0,1%
27	DCM	Đạm Cà Mau	Hóa chất	529	44%	4.083	0,3%	0,0%
28	NKG (Loại)	Thép Nam Kim	Kim loại	492	45%	2.434	0,0%	-0,2%

Nguồn: ACBS, FiinGroup, STOXX

Bảng 4: Tỷ trọng danh mục STOXX Vietnam Total Market Liquid theo ngành

Ngành	Tỷ trọng
Bất động sản	34,8%
Ngân hàng	18,2%
Dịch vụ tài chính	16,3%
Sản xuất thực phẩm	8,3%
Kim loại	7,6%
Phần mềm & Dịch vụ Máy tính	7,3%
Điện tử & Thiết bị điện	3,3%
Du lịch & Giải trí	2,3%
Hóa chất	1,4%
Thiết bị, Dịch vụ và Phân phối Dầu khí	0,6%

Nguồn: ACBS, FiinGroup

DỰ BÁO TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỦA CÁC QUỸ

Trong kỳ cơ cấu Q3.2026, quỹ VanEck Vietnam ETF và Xtrackers Vietnam Swap sẽ thực hiện cơ cấu theo danh mục mới, quá trình cơ cấu hoàn thành trước ngày 21/09/2026. Theo ước tính, quỹ VanEck Vietnam ETF dự kiến mua bán khoảng 2 nghìn tỷ đồng, trong khi quỹ Xtrackers dự kiến giao dịch 3,1 nghìn tỷ đồng.

Cổ phiếu dự kiến bị bán ròng mạnh trong kỳ cơ cấu Q3 gồm VIC (-1.534 tỷ đồng), VCK (-265 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu dự kiến ghi nhận dòng tiền mua ròng mạnh gồm: VHM (+296 tỷ đồng), STB (+254 tỷ đồng), và SSB (+252 tỷ đồng).

Bảng 5: Tổng tài sản quỹ VanEck Vietnam ETF và Xtrackers Vietnam Swap

Quỹ	Chỉ số mô phỏng	Giá trị tài sản (tỷ đồng) (*)	Giá trị tài sản (triệu USD)
VanEck Vietnam ETF	Vietnam Local Index	13.461	520
Xtrackers Vietnam Swap	STOXX Vietnam Total Market Liquid	9.877	382

Nguồn ACBS, FiinGroup, VanEck, Xtrackers.

(*) Tỷ giá chuyển đổi sử dụng tỷ giá mua chuyển khoản VCB tại ngày 31/08/2026

Bảng 6: Ước tính khối lượng & giá trị mua/bán của các cổ phiếu trong danh mục của quỹ ETF

STT	Mã cổ phiếu	SLCP Mua bán ròng dự báo (nghìn CP)			Ước tính giá trị mua bán ròng (tỷ đồng)	KLGD bình quân (nghìn CP)	Số phiên ước tính
		VanEck	Xtrackers	Tổng 2 quỹ			
1	VHM	-161	4.219	4.058	296	7.128	0,6
2	STB	592	2.771	3.363	254	3.276	1,0
3	SSB	14.743	0	14.743	252	2.291	6,4
4	FPT	395	2.539	2.934	215	6.187	0,5
5	MSN	1.221	1.738	2.959	208	4.091	0,7
6	HPG	4.473	3.617	8.090	179	21.319	0,4
7	NVL	1.183	9.565	10.749	140	14.598	0,7
8	SSI	2.542	3.602	6.144	131	21.134	0,3
9	VNM	118	1.652	1.770	110	4.308	0,4
10	VIX	2.133	5.097	7.230	102	44.623	0,2
11	BID	0	2.514	2.514	93	4.086	0,6
12	VND	1.136	3.330	4.466	74	9.956	0,4
13	SHB	2.997	1.408	4.405	54	49.515	0,1
14	SBT	2.276	0	2.276	52	953	2,4
15	GEX	755	842	1.597	42	11.794	0,1
16	VCB	634	0	634	38	5.045	0,1
17	VPL	461	0	461	36	571	0,8
18	VCI	-177	1.301	1.124	26	9.601	0,1
19	DPM	772	403	1.175	26	2.503	0,5
20	PVD	483	826	1.309	25	3.443	0,4
21	DIG	227	1.231	1.458	17	7.601	0,2
22	KBC	454	134	588	16	1.374	0,4
23	EIB	900	0	900	16	4.875	0,2
24	TCH	531	552	1.083	15	6.144	0,2
25	SAB	288	0	288	13	822	0,4
26	DGC	198	66	264	11	552	0,5
27	NAB	911	0	911	11	1.385	0,7
28	DCM	179	156	335	10	2.225	0,2
29	VPX	306	0	306	8	972	0,3
30	MSB	536	0	536	7	6.268	0,1
31	PDR	344	218	562	7	6.119	0,1
32	POW	500	0	500	7	6.762	0,1
33	VPI	94	0	94	6	2.164	0,0
34	KDH	333	0	333	6	5.160	0,1
35	IDC	165	0	165	5	1.079	0,2
36	HUT	382	0	382	5	1.916	0,2
37	SHS	299	0	299	5	11.067	0,0
38	HVN	203	0	203	5	819	0,2
39	KDC	85	0	85	4	135	0,6

STT	Mã cổ phiếu	SLCP Mua bán ròng dự báo (nghìn CP)			Ước tính giá trị mua bán ròng (tỷ đồng)	KLGD bình quân (nghìn CP)	Số phiên ước tính
		VanEck	Xtrackers	Tổng 2 quỹ			
40	HSG	386	0	386	4	1.936	0,2
41	BAF	107	0	107	3	2.341	0,0
42	PVS	78	0	78	3	2.709	0,0
43	SIP	24	0	24	1	93	0,3
44	VCG	-64	0	-64	-1	2.286	0,0
45	HAG	524	-811	-288	-4	1.791	0,2
46	VHC	-242	0	-242	-13	397	0,6
47	BVH	-240	0	-240	-15	517	0,5
48	NKG	0	-2.246	-2.246	-25	1.609	1,4
49	DXG	1.355	-3.523	-2.168	-26	10.032	0,2
50	VJC	145	-479	-334	-42	1.400	0,2
51	CEO	-3.694	0	-3.694	-48	6.605	0,6
52	GEE	-790	0	-790	-51	1.463	0,5
53	TCX	-1.529	0	-1.529	-62	1.830	0,8
54	FTS	-2.774	0	-2.774	-63	893	3,1
55	VRE	972	-4.974	-4.003	-104	6.095	0,7
56	MCH	-1.671	0	-1.671	-239	382	4,4
57	VCK	-8.694	0	-8.694	-265	2.114	4,1
58	VIC	-1.033	-5.468	-6.501	-1.534	5.912	1,1

Nguồn ACBS, FiinGroup, VanEck, Xtrackers
Dữ liệu được tính dựa trên giá đóng cửa ngày 28/08/2026

LIÊN HỆ

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu,
Phường Xuân Hoà, TP. HCM
Tel: (+84 28) 7300 7000

Chi nhánh Hà Nội

Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
Tel: (+84 24) 3942 9396

PHÒNG PHÂN TÍCH & CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Email: research.gr@acbs.com.vn
trangdm@acbs.com.vn

KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

Trưởng phòng khối khách hàng định chế

Chu Thị Kim Hương
(+84 28) 7300 7000 (x1083)
huongctk@acbs.com.vn
groupis@acbs.com.vn

Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC

Nguyễn Trần Như Huỳnh
(+84 28) 7300 6879 (x1088)
huynhntn@acbs.com.vn

NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ

MUA: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 20% so với giá thị trường.

KHẢ QUAN: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.

TRUNG LẬP: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong khoảng -10% và 10% so với giá thị trường.

KÉM KHẢ QUAN: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.

BÁN: nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 20% so với giá thị trường.

KHUYẾN CÁO

Vui lòng nhấp vào [đây](#) để xem toàn văn Khuyến cáo, bao gồm: Xác nhận của chuyên viên phân tích, Công bố thông tin quan trọng, Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm.

Trường hợp liên kết phía trên không hoạt động, vui lòng truy cập trực tiếp tại:

https://acbs.com.vn/acbsmedia/2026/07/KhuyenCao_VI.pdf